

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 05 năm 2018

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B –TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

**** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Trần Bích Ngọc**

**** Hội Thẩm Nhân Dân :***

1- Bà Dư Thị Út

2- Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

**** Thư ký phiên tòa:*** Bà **Hoàng Thị Nhung**, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

**** Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố B:*** Không tham gia.

Ngày 21 tháng 05 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2018 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐ-XX ngày 26 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà **Đỗ Thị T**- sinh năm 1968

Trú tại: Số 3/21, khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

**** Bị đơn:*** Ông **Trương Văn L**- sinh năm 1966

Trú tại: Số 3/21, khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

(bà T và ông L vắng mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2018, quá trình giải quyết vụ án bà Đỗ Thị T là nguyên đơn trong vụ án trình bày: Năm 1989, bà và ông Trương Văn L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và bà không còn tình cảm với ông L nên xin ly hôn với ông L.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ông Trương Văn L là bị đơn trong vụ án trình bày: Năm 1989, ông và bà Đỗ Thị T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ cự cãi qua lại. Nhưng do bà T cương quyết xin ly hôn nên ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà Đỗ Thị T và ông Trương Văn L thống nhất xác định ông bà chung sống có 01 con chung là cháu Trương Chí T, sinh ngày 10/03/1991, cháu T đã thành niên và phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị T và ông Trương Văn L thống nhất ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ: Bà Đỗ Thị T và ông Trương Văn L thống nhất xác định ông bà không nợ tài sản của ai, không yêu cầu giải quyết.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Bà Đỗ Thị T và ông Trương Văn L đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T và ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Vào năm 1989, bà Đỗ Thị T và ông Trương Văn L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hội đồng xét xử thấy rằng việc bà T và ông L chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm qui định của pháp luật hôn nhân và gia đình về việc đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Thị T và ông Trương Văn L.

Về con chung: bà Đỗ Thị T và ông Trương Văn L thống nhất xác định ông bà chung sống có 01 con chung là cháu Trương Chí T, sinh ngày 10/03/1991, cháu T đã thành niên và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị T và ông Trương Văn L thống nhất ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về nợ: Bà Đỗ Thị T và ông Trương Văn L thống nhất xác định ông bà không nợ tài sản của ai, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: bà Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 14; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- 1/. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Thị T và ông Trương Văn L.
- 2/. Về con chung: Bà Đỗ Thị T và ông Trương Văn L thống nhất xác định vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Trương Chí T, sinh ngày 1991, cháu T đã thành niên và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.
- 3/. Về tài sản chung và nợ: không có, không đặt ra giải quyết.
- 4/. Về án phí: Bà Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008053 ngày 26-03-2018 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, nay được chuyển thu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP.B;
- THA TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

Trần Bích Ngọc